

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1061/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 28/11/2017

V/v: “Tranh chấp chia tài sản
sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Khắc Vương

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2017/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 444/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2333/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1325/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều N - sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích T - sinh năm 1985; địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 03.6.2015)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1974

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Phan Ngọc B – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

NLQ – sinh năm: 1973

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2014 và trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị Kiều N – nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Bích T – đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, bà N và ông Nguyễn Văn T ly hôn theo Bản án phúc thẩm số 1014/2013/HN-PT ngày 16.8.2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phân tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được việc chia tài sản với ông T nên bà N khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị Kiều N và bị đơn Nguyễn Văn T xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà có diện tích 60m² (5m x 12m) tọa lạc tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà mua bằng giấy tay của ông NLQ, chưa có giấy tờ hợp lệ, hiện ông T đang quản lý, sử dụng). Theo biên bản ngày 25.11.2016, Hội đồng định giá xác định căn nhà nói trên có giá trị là 682.692.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Nguyên đơn đồng ý giao nhà cho bị đơn đồng thời yêu cầu yêu cầu bị đơn hoàn trả ½ giá trị căn nhà tương đương số tiền là 341.000.000 (ba trăm bốn mươi một triệu) đồng.

Bị đơn đồng ý nhận nhà nhưng chỉ giao cho nguyên đơn số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ xác định năm 2006 có bán cho ông T và bà N căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; việc giao nhà và nhận tiền 02 bên đã thực hiện xong. Ông T không khiếu nại hay tranh chấp gì đối với căn nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 444/2017/DSST ngày 13 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Lê Thị Kiều N.

Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với căn nhà nói trên mang tên cá nhân ông T.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị Kiều N số tiền là 341.000.000 (ba trăm bốn mươi một triệu) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kiều N bởi các lý do:

- Cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, chưa điều tra làm rõ công sức đóng góp vào tài sản tranh chấp;

- Cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc tổng đạt Giấy triệu tập xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn;

- Cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản thẩm định giá của Hội đồng định giá không đúng quy định làm căn cứ giải quyết vụ án (đất nông nghiệp nhưng định giá là đất ở).

Sau khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án, ông Lại Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích T đề nghị được tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

* Tại Bản tự khai ngày 25.9.2017, ông Lại Văn Đ trình bày:

Ngày 15.10.2000, ông Đ có sang nhượng cho ông NLQ 01 nền nhà ngang 5m dài 12m tại ấp 6 (nay là khu phố 7), xã B (nay là phường B), huyện C (nay là quận C).

Ông Đ đề nghị hủy việc mua bán giữa ông Đ và ông NLQ đồng thời hủy việc mua bán giữa ông NLQ và ông T.

* Tại Bản tự khai ngày 26.9.2017, bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Trong thời gian bà T sống chung với ông T tại căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bà có góp vào 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sửa chữa nhà nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút Đơn khởi kiện, đề nghị y án sơ thẩm; bị đơn không rút đơn kháng cáo đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng, không điều tra làm rõ công sức đóng góp của bà Nguyễn Thị Bích T, không đưa bà T và ông Lại Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sử dụng kết quả định giá không đúng thành phần và không đúng quy định làm căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ông NLQ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp chia tài sản giữa bà Lê Thị Kiều N và ông Nguyễn Văn T nhưng không đưa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lại Văn Đ vào tham gia tố tụng đồng thời tại cấp phúc thẩm phát sinh thêm tình tiết mới. Để đảm bảo 02 cấp xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ngày 07.11.2017 ông NLQ – là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến, sau đó Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ nhưng hôm nay ông NLQ không có mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và đại diện bà N đều xác định nguồn gốc căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Lại Văn Đ bán cho ông NLQ, sau đó ông NLQ bán lại cho ông T và bà N, nhà chưa có giấy tờ hợp lệ, hiện ông Đ vẫn còn đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Lời khai của ông T và bà N phù hợp với lời khai của ông Đ và ông NLQ đồng thời phù hợp Giấy sang nhượng đất giữa ông Đ và ông NLQ ngày 01.4.2003, phù hợp với Hợp đồng mua bán nhà giữa ông NLQ và ông T ngày 27.02.2006. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng, sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ kiện, ông Đ đề nghị hủy việc mua bán nhà giữa ông Đ và ông NLQ đồng thời hủy việc mua bán giữa ông NLQ và ông T; mặt khác, sau khi ly hôn với bà N, ông T sống chung với bà Nguyễn Thị Bích T tại căn nhà và đất có liên quan đến tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh để đưa bà T vào tham gia tố tụng, đến giai đoạn phúc thẩm bà T cho rằng trong thời gian sống chung với ông T tại căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà có đóng góp số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sửa chữa nhà nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Đây là các tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, chưa được cấp sơ thẩm làm rõ; do đó, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo 02 cấp xét xử nên cần hủy bản án sơ thẩm để giao về giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở.

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 444/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0000036 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

